TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2025
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Hải
Bà Hoàng Thị Hòa

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Binh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:**
Ông Nguyễn Xuân Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 19/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2025/QĐST-HDGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1999. Xin vắng mặt
Địa chỉ: Thôn S, phường Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

2. *Bị đơn*: Anh Lê Văn Đ2, sinh năm 1997. Vắng mặt.
Địa chỉ: Số nhà 16, phố L, thị trấn, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/01/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H2 thể hiện như sau:

Chị Nguyễn Thị H2 và anh Lê Văn Đ2 tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Hoằng Vinh (nay là thị trấn B), huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/12/2018. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc thời gian đầu cho đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị H2 nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa

án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ2.

Về con: Chị Nguyễn Thị H2 và anh Lê Văn Đ2 có một con chung là cháu Lê A1, sinh ngày 31/7/2019, hiện đang ở cùng chị H2. Chị H2 đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Lê và không yêu cầu anh Đ2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị H2 không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/02/2025 của anh Lê Văn Đ2 thể hiện:

Về hôn nhân: Anh Lê Văn Đ2 và chị Nguyễn Thị H2 kết hôn vào năm 2018 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Hoằng Vinh (nay là thị trấn B) cấp ngày 24/12/2018. Sau khi cưới được nửa năm thì anh Đ2 đi làm ăn ở nước ngoài, vợ chồng không có tiếng nói chung. Sau khi anh Đ2 về nước, chị H2 mang con bỏ đi đâu anh không biết. Nay chị H2 làm đơn ly hôn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Nếu chị H2 cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con: Anh chị có một con chung là cháu Lê A1, sinh ngày 31/7/2019, hiện đang ở với chị H2. Nếu ly hôn, anh Đ2 đồng ý để cháu A1 cho chị H2 trực tiếp nuôi.

Về tài sản và công nợ: không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 15/02/2025 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa thể hiện:

Chị Nguyễn Thị H2 và anh Lê Văn Đ2 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoằng Vinh (nay là thị trấn B), huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 24/12/2018. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại phố L, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa và có một con chung là cháu Lê A1, sinh ngày 31/7/2019. Tại địa phương, chị H2, anh Đ2 chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2023 anh chị có xảy ra mâu thuẫn, còn cụ thể mâu thuẫn như thế nào và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng địa phương không nắm được. Nay chị H2 làm đơn xin ly hôn anh Đ2 và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung, quan điểm của địa phương là chị H2 và anh Đ2 đều có công việc ổn định, đủ điều kiện kinh tế để chăm sóc con, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày nhận xét về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H2, xử cho chị Nguyễn Thị H2 được ly hôn anh Lê Văn Đ2. Về con: đề nghị công nhận anh Lê Văn Đ2 và chị Nguyễn Thị H2 có một con chung là cháu Lê A1, sinh ngày 31/7/2019. Đề nghị giao cháu Lê A1 cho chị Nguyễn Thị H2 trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Đề nghị buộc chị Nguyễn Thị H2 chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H2 không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tòa án đã thu thập tài liệu chứng cứ bằng biện pháp xác minh về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp giữa anh Lê Văn Đ2 và chị Nguyễn Thị H2 theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 06/5/2025, bị đơn là anh Lê Văn Đ2 vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233 và 235 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Văn Đ2 và chị Nguyễn Thị H2 tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Hoằng Vinh (nay là thị trấn B), huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/12/2018 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nổi và đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H2 đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ2. Anh Đ2 mong muốn đoàn tụ, nhưng do chị H2 cương quyết ly hôn anh cũng chấp nhận. Như vậy tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H2 là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H2 và anh Lê Văn Đ2 trình bày vợ chồng có một con chung là cháu Lê A1, sinh ngày 31/7/2019 nên công nhận cháu Lê A1là con chung của chị H2 và anh Đ2. Do cháu A1đang ở cùng mẹ và chị H2 mong muốn được trực tiếp nuôi cháu A1, anh Đ2 cũng đồng ý. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H2, giao cháu Lê A1cho chị Nguyễn Thị H2 trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị H2 không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và công nợ: Anh Lê Văn Đ2 và chị Nguyễn Thị H2 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H2 phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H2 được ly hôn với anh Lê Văn Đ2.

Về con: Công nhận anh Lê Văn Đ2 và chị Nguyễn Thị H2 có một con chung là cháu Lê A1, sinh ngày 31/7/2019. Giao cháu Lê A1cho chị Nguyễn Thị H2 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Văn Đ2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Nếu anh Lê Văn Đ2 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Nguyễn Thị H2 thì chị H2 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Đ2.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H2 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên lai thu số 0004131 ngày 03/02/2025 (Chị Nguyễn Thị H2 đã nộp đủ).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Anh Lê Văn Đ2 và chị Nguyễn Thị H2 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND thị trấn B, h. H;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Ngọc Hải **Hoàng Thị Hòa** **Lê Thị Ngọc Tú**

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *UBND xã H. Quang, Tp. Thanh Hóa;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Tú